

Bản án số: 406/2023/HS-PT

Ngày: 28/11/2023.

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán:

1. Ông Lê Công Huân.

2. Ông Bùi Đức Nam.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hưng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thủy Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 374/2023/HSPT ngày 16/10/2023 đối với bị cáo Lê Thị Bích L, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 141/2023/HSST ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Lê Thị Bích L; sinh năm: 1993; tại: tỉnh Bạc Liêu; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã P, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu; chỗ ở: Nhà không số, Tổ F, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị Đại N; chồng: Tân Đức N1; con: Có 01 người con sinh ngày 30/11/2022; tiền án, tiền sự: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo tại ngoại - Có mặt mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng:

- Bị hại: Bà Lê Thanh N2; sinh năm: 1981; nơi đăng ký thường trú: 351/5/35 L, Phường E, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: C H, Tổ B, Khu phố C, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

- Người làm chứng: Bà Phan Thị Minh T; sinh năm: 1995; nơi cư trú: 324 đường H, tổ B, Khu phố C, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình hợp tác may gia công, Lê Thanh N2 có mượn của Lê Thị Bích L số tiền 20.000.000 đồng. Qua nhiều lần hứa hẹn không trả nợ cũng không đóng lãi, N2 thay đổi chỗ ở từ xã T, huyện H sang phường H, Quận A. Do nhiều lần tìm N2 để lấy tiền nợ không được nên L thuê N3 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) đòi nợ; N3 gặp tên K (chưa rõ nhân thân, lai lịch) nhờ đòi nợ, theo thỏa thuận sau khi đòi được hết tiền nợ của N2 thì nhóm N3, K sẽ được 50% số tiền. Sau đó, L hỏi thăm người thân của N2 thì tìm được nơi ở của N2 và nhắn địa chỉ cho N3 biết.

Khoảng 22h00' ngày 28/12/2021 thì N3, K cùng 05 đối tượng khác (chưa rõ lai lịch) đến phòng trọ của N2 tại nhà trọ số C Khu phố C, phường H, Quận A. Nở vào phòng trọ yêu cầu chị N2 phải trả số tiền 20.000.000 đồng nhưng chị N2 không đồng ý và yêu cầu gặp L để nói chuyện. N3 gọi điện, nhắn tin cho L nói N2 muốn gặp và nói chuyện với L thì L đồng ý để N3 đưa N2 đến nhà L. N2 không đi và nói nhóm N3 kêu L đến gặp N2 giải quyết. Nở yêu cầu N2 đi đến quán cà phê ở Cầu S có L ở đó chờ. Lúc này, N2 vẫn không đi nên cãi nhau với N3; Phan Thị Minh T cùng dây trọ nghe cãi nhau nên T nói sẽ đi cùng N2. Sau đó, N2 lên xe máy của người tên N4 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) điều khiển chở N2 ngồi giữa, N3 ngồi sau, còn T được đối tượng khác chở, cùng đi đến nhà L tại địa chỉ nhà không số T, ấp T, xã T, huyện H. Việc N2, T cùng nhóm N3 đến nhà L để giải quyết nợ là tự nguyện.

Khoảng 22h30' cùng ngày, cả nhóm đến nhà L và L là người mở cửa cho tất cả vào nhà. L nói số nợ 20.000.000 đồng mà N2 nợ thì L đã sang cho N3 nên N2 phải trả tiền lại cho N3, sau đó L bỏ đi xuống dưới bếp. Tại phòng khách nhà L, N2 bị nhóm N3 và K ép phải trả ngay số tiền 20.000.000 đồng; N2 không có tiền trả nên bị K chửi, dùng tay phải tát vào mặt N2, buộc phải thế chấp tài sản là điện thoại hoặc xe máy thì K cho về. N2 nói xe máy không có giấy tờ thì K tiếp tục chửi, dùng tay đánh N2, L ngồi ở phía sau nghe và nhìn thấy biết sự việc nhóm K, N3 chửi, đánh L để ép trả nợ, L đi lên phòng khách thì thấy K đang tát N2, rồi nói với cả nhóm là chuyện nợ nần thì tự giải quyết đi, ở đây ồn ào Công an đến đó, rồi đi xuống dưới bếp ngồi. Sau đó, K nói chở N2 đi về phòng trọ của N2 xem có tài sản gì để thế chấp, N2 không đồng ý đi thì K dùng tay nắm tóc kéo N2 từ trong phòng khách ra hiên nhà, N2 đau quá nên la lớn xin L tha cho N2. Lúc này, K lấy cuốc băng keo bản rộng 5cm ở nhà của L dán miệng N2 lại không cho tri hô, rồi cầm 01 cái kéo có cán bọc nhựa màu đỏ lấy trong nhà L đưa lên trước mặt hỏi N2 biết cái gì không. Sau đó, K cầm kéo trên tay phải dí mũi kéo sắc nhọn vào vùng mặt bên phải của N2 rạch một nhát từ cằm ra mép tai phải gây thương tích. Khi N2 bị chảy máu thì K cắt băng keo đang quấn che miệng N2, lúc này N2 tiếp tục kêu la van xin L tha cho N2, T cũng vào xin L tha cho N2 nhưng L không nói gì để mặc cho nhóm N3, K tự ý

xử lý. Thư thấy N2 bị đánh do không có tiền trả nợ nên xin nhóm K cho về lại phòng trọ mượn tiền trả giúp cho chị N2 và T cho K số điện thoại của T để liên lạc nên T được đồng bọn của K chở về nhà trọ ở Quận A. Còn một mình N2, nhóm K yêu cầu chở N2 để đi tìm người thân trả nợ thì N2 đồng ý, khi chở đến khu đất trống thuộc xã Đ thì nhóm K tiếp tục đòi tiền nợ, nói N2 gọi điện cho người nhà mang tiền đến trả thì N2 nói không có ai quen, không có tiền và hứa hẹn trưa ngày 29/12/2021 sẽ đưa trước 5.000.000 đồng, còn 15.000.000 đồng N2 sẽ trả sau. Sau đó, K gọi cho T nói lại việc N2 hứa hẹn trả tiền và yêu cầu T bảo lãnh cho N2 thì T đồng ý. Đến khoảng hơn 01h00' sáng ngày 29/12/2021, nhóm K chở N2 về nhà trọ của N2. Khi về phòng thì K nói N2 và T cùng ký tên bảo lãnh vào giấy thế chấp theo nội dung K đã soạn sẵn và K giữ giấy này để đảm bảo khoản nợ (thực chất không có thế chấp tài sản thật). Đến khoảng 13h00' ngày 29/12/2021, một người nam thanh niên khoảng 26 tuổi (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đi bộ vào phòng trọ của N2 lấy tiền nhưng N2 không có tiền để đưa. Ngày 31/12/2021, N2 đã trình báo Công an xã T, huyện H vụ việc nêu trên và yêu cầu xử lý hình sự.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 34/Tgt.22 ngày 27/01/2022 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế Thành phố H kết luận:

1. Dấu hiệu chính qua giám định:

- Vết thương vùng má phải hiện còn một sẹo lõm kích thước 8,1 x 0,1cm, tình trạng ổn định. Thương tích trên do vật sắc, vật sắc nhọn hoặc vật có cạnh sắc tác động gây ra có tỉ lệ 06% (Sáu phần trăm).

- Đa chấn thương phần mềm gây sưng bầm vùng đuôi mắt trái và sau tai trái hiện không còn dấu vết thương tích, tình trạng ổn định. Chấn thương trên nghi do vật tày tác động gây ra (Thông tư 22/2019/TT-BYT của Bộ Y không quy định tỉ lệ về sưng bầm).

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là: 06 % (sáu phần trăm).

3. Kết luận khác: Tất cả các thương tích trên không nguy hiểm tính mạng đương sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 141/2023/HSST ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Lê Thị Bích L phạm tội “Cướp tài sản”.

- Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Lê Thị Bích L 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/8/2023, bị cáo Lê Thị Bích L kháng cáo toàn bộ bản án nêu trên cho rằng cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội “Cướp tài sản” là chưa phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bị cáo Lê Thị Bích L thay đổi yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật để có cơ hội sớm chấp hành xong bản án, sửa chữa làm lại cuộc đời và chăm sóc, nuôi dưỡng con còn nhỏ.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích về tính chất, mức độ và hậu quả nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo cùng đồng phạm gây ra, các tình tiết định khung, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo. Đã kết luận bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Thị Bích L, phạm tội “Cướp tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở pháp luật. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo trong thời gian luật định và tại phiên tòa thay đổi yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt là hợp lệ nên được chấp nhận để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã nhận định về các tình tiết giảm nhẹ để áp dụng các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo là có căn cứ. Tuy nhiên, bị cáo hiện đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, là tình tiết giảm nhẹ cấp sơ thẩm chưa áp dụng là có thiếu sót; tại cấp phúc thẩm, bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình; xét về nguyên nhân và động cơ phạm tội của bị cáo thì người bị hại cũng có một phần lỗi nên có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Bích L, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo từ 01 năm đến 02 năm tù.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, tuyên xử: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Bích L, sửa bản án sơ thẩm theo hướng xử phạt bị cáo mức án từ 03 năm đến 04 năm tù, về tội “Cướp tài sản”.

Bị cáo Lê Thị Bích L không tranh luận và bào chữa, bị cáo chỉ nói lời sau cùng mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật vì bị cáo có hoàn cảnh khó khăn và đang nuôi dưỡng con còn nhỏ, do không hiểu biết về pháp luật nên đã phạm tội và rất hối hận về hành vi của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Thị Bích L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm, phù hợp với bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố và các tài liệu, chứng cứ: Biên bản (tiếp nhận nguồn tin tố giác về tội phạm; khám nghiệm hiện trường; thu giữ tài liệu - đồ vật; đối chất), nội dung trích xuất dữ liệu tin nhắn điện thoại, lời khai của (bị hại và người làm chứng), bản kết luận giám định pháp y, cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 22h30' ngày 28/12/2021, tại nhà không số T, ấp T, xã T, huyện H, bị cáo Lê Thị Bích L đã có hành vi đồng phạm cùng các đối tượng Nở, K và 05 đối tượng (chưa rõ lai lịch) dùng số đông và dùng lời nói để áp đảo tinh thần, sử dụng vũ lực để tấn công chị Lê Thanh N2 (đối tượng K dùng tay tát vào mặt, dùng tay nắm tóc kéo chị N2, dùng cuộn băng keo bản rộng 5cm dán miệng chị N2 lại và dùng 01 cây kéo lưỡi sắc nhọn bằng kim loại rạch từ cằm ra mép tai phải gây thương tích cho chị N2 với tỷ lệ 6%) làm tê liệt ý trí kháng cự của bị hại, nhằm mục đích buộc chị N2 giao số tiền 20.000.000 đồng còn nợ bị cáo Lê Thị Bích L để chiếm đoạt.

Trong vụ án, diễn biến về hành vi khách quan thể hiện về ý thức, bị cáo Lê Thị Bích L nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền bất khả xâm phạm về thân thể, sức khỏe và quyền hữu hợp pháp về tài sản của bị hại nhưng vẫn bỏ mặc cho N3 cùng K và 05 đối tượng (chưa rõ lai lịch) sử dụng vũ lực để tấn công chị N2 nhằm chiếm đoạt tài sản ngay tại phòng khách nhà của bị cáo; nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hậu quả do đồng phạm gây ra với lỗi cố ý gián tiếp.

Xét khi phạm tội, đối tượng K đã sử dụng 01 cây kéo lưỡi bằng kim loại sắc nhọn để tấn công gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ thương tật là 06% - thuộc trường hợp "*dùng hung khí nguy hiểm*", là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Như vậy, với trị giá tài sản nhằm chiếm đoạt, hậu quả gây ra trong vụ án và hành vi nêu trên của bị cáo và đồng phạm, cấp sơ thẩm đã tuyên bố và xét xử bị cáo Lê Thị Bích L, phạm tội "Cướp tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở pháp luật, đúng người, đúng tội, không oan sai.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Lê Thị Bích L làm đơn kháng cáo trong thời hạn luật định và hợp lệ; tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt là quyền của bị cáo và phù hợp quy định tại các Điều 332, 333 và 342 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 nên về hình thức được chấp nhận để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt: Xét, khi quyết định hình phạt, cấp sơ thẩm đã nhận định về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo có nhân tốt chưa có tiền án, tiền sự; tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa,

thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; bị hại có một phần lỗi và tại phiên tòa, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; để áp dụng quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Lê Thị Bích L mức hình phạt 05 năm tù (dưới mức thấp nhất của khung hình phạt bị áp dụng tại khung hình phạt liền kề), là thỏa đáng có căn cứ và không nặng. Tuy nhiên khi phạm tội, bị cáo là đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nhưng cấp sơ thẩm chưa nhận định để áp dụng là có thiếu sót, cần lưu ý rút kinh nghiệm.

Tại cấp phúc thẩm: bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới “hiện là lao động chính đang nuôi con nhỏ sinh ngày 30/11/2022”; đã có sự chuyển biến về nhận thức thừa nhận hành vi phạm tội của mình và xin giảm nhẹ hình phạt; ngoài ra, Hội đồng xét xử cũng xem xét về nguyên nhân xảy ra vụ án, bị cáo và bị hại thuộc thành phần lao động, đã từng có thời gian hợp tác với nhau để may gia công, sau khi vay tiền của bị cáo để trả tiền công thì bị hại đã tắt điện thoại, thay đổi chỗ ở và trốn tránh không trả nợ trong thời gian dịch bệnh Covid 19 khó khăn về kinh tế, phần nào cũng tác động về tâm lý và gây bức xúc cho bị cáo. Để cân nhắc giảm nhẹ thêm cho bị cáo một phần hình phạt như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, đã đủ tác dụng để giáo dục, răn đe bị cáo nói riêng và phòng ngừa chung, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Xét, kháng cáo của bị cáo Lê Thị Bích L là có căn cứ nên được chấp nhận, sửa bản án hình sự sơ thẩm về phần trách nhiệm hình sự của bị cáo.

Lập luận nêu trên của Hội đồng xét xử cũng là căn để chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, bị cáo Lê Thị Bích L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các vấn đề khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị Bích L, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 141/2023/HSST ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn,

Thành phố Hồ Chí Minh về phần trách nhiệm hình sự của bị cáo.

2. Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Bích L 03 (ba) năm tù, về tội: “Cướp tài sản”. Thời hạn tù tính kể từ ngày bắt bị cáo thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và án phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bị cáo Lê Thị Bích L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

4. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp Cao tại TP . HCM (1)
- VKSND TP . HCM; (3)
- VKSND huyện Hóc Môn (1)
- P.PC 53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Sở Tư pháp (1)
- THA huyện Hóc Môn (2)
- TAND huyện Hóc Môn (2)
- Công an huyện Hóc Môn (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (26) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh